Năm học 2020 - 2021

ĐIỂM THI CUỐI HỌC KỲ II

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	Anh				Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	GDCD	Ghi chú
							Nghe	TN	TL	TC							
1	000483	Nguyễn Thanh An	21/06/2005	10A1	9.0	6.5	0.8	1.2	5.8	7.8	9.8	9.8	7.8	7.5	9.0	8.5	
2	000496	Thái Hồng Anh	25/04/2005	10A1	8.3	7.5	0.6	1.2	5.2	7.0	8.8	5.5	9.3	8.8	9.5	9.0	
3	000508	Nguyễn Ngọc Duy Bình	14/10/2005	10A1	5.8	4.8	1.1	0.8	5	6.9	10.0	7.3	8.0	7.8	8.8	7.0	
4	000515	Võ Minh Cường	03/02/2005	10A1	7.8	7.8	1.3	0.8	4.7	6.8	9.0	9.3	9.5	7.3	9.0	7.5	
5	000519	Hoàng Đình Đức Dũng	19/09/2005	10A1	6.5	6.3	0.5	1.2	4.4	6.1	7.8	7.5	7.3	7.3	8.8	7.0	
6	000520	Lê Văn Dũng	05/05/2005	10A1	6.0	6.0	1.2	0.8	5.1	7.1	7.0	7.5	6.8	8.5	9.3	8.0	
7	000525	Cao Thị Mỹ Duyên	14/02/2005	10A1	5.0	6.8	1.1	0.9	3.8	5.8	8.5	5.0	6.3	7.5	9.0	9.0	
8	000527	Ngô Hồ Kỳ Duyên	21/09/2005	10A1	7.5	6.0	1.2	1.6	6	8.8	10.0	9.5	8.5	8.3	9.0	9.5	
9	000530	Nguyễn Hùng Dương	28/02/2005	10A1	6.0	7.0	0.8	0.8	2.6	4.2	7.0	5.8	7.0	4.8	7.0	7.5	
10	000539	Nguyễn Hải Đăng	08/06/2005	10A1	7.0	7.3	1	1.4	4.6	7.0	10.0	9.8	9.0	7.8	9.0	10.0	
11	000550	Đặng Thị Hồng Hạnh	06/08/2005	10A1	7.5	7.5	0.8	1.3	4.9	7.0	10.0	9.3	6.8	8.8	8.5	9.3	
12	000571	Nguyễn Quang Hoài	11/12/2005	10A1	7.8	7.0	0.4	1.1	5.8	7.3	8.5	9.3	8.3	8.3	9.3	8.0	
13	000573	Phan Thị Kim Hoàn	12/11/2005	10A1	8.5	8.0	0.6	1	5.4	7.0	9.0	9.0	9.0	6.3	8.8	8.5	
14	000575	Trần Đức Hoàng	13/04/2005	10A1	4.3	7.0	1.4	0.8	3.8	6.0	8.0	9.3	9.0	9.0	7.3	9.0	
15	000577	Trần Quốc Anh Hoàng	11/10/2005	10A1	7.5	7.0	0.9	1.3	5	7.2	10.0	9.0	8.5	8.5	9.0	8.8	
16	000578	Nguyễn Hữu Hào Hùng	08/10/2005	10A1	6.0	6.8	0.8	1.6	5.8	8.2	7.5	8.0	6.8	6.5	9.0	7.5	
17	000583	Lưu Đức Huy	02/02/2005	10A1	8.3	7.8	1.4	0.9	3.9	6.2	10.0	8.8	9.3	8.8	9.0	10.0	
18	000591	Trần Nhật Huy	04/03/2005	10A1	6.8	6.3	1.4	1.4	4.8	7.6	7.0	7.0	9.8	8.0	8.8	8.0	
19	000622	Tô Gia Lễ	20/07/2005	10A1	7.0	6.5	1.2	1.3	4.8	7.3	8.8	9.3	8.0	7.3	9.0	7.0	
20	000623	Lê Phương Linh	25/12/2004	10A1	3.8	6.5	1.3	1	3.9	6.2	8.8	3.0	7.0	5.5	6.3	7.5	
21	000628	Trần Ngọc Linh	25/11/2005	10A1	7.5	7.3	1.2	1.1	5.2	7.5	9.0	9.3	8.3	7.5	8.8	7.5	
22	000633	Huỳnh Thái Toàn Lợi	21/11/2005	10A1	6.8	7.5	0.7	1.1	4	5.8	8.0	3.8	8.3	6.3	6.8	6.0	
23	000638	Nguyễn Hồng Hải Ly	02/06/2005	10A1	7.5	7.8	1	1.3	5	7.3	8.5	8.8	9.0	8.0	8.8	9.5	
24	000642	Nguyễn Hồng Mai	27/04/2004	10A1	7.5	7.3	1.2	1.5	5.8	8.5	9.3	9.0	9.3	7.0	9.0	8.8	
25	000643	Nguyễn Ngọc Phương Mai	14/09/2005	10A1	5.8	6.8	1.2	1.5	5.6	8.3	9.5	5.5	8.0	7.8	8.8	9.0	
26	000646	Qúach Chánh Mẫn	23/09/2005	10A1	5.0	6.8	1.2	1.3	4.7	7.2	9.8	4.3	5.0	6.0	8.8	8.0	
27	000654	Lê Hoài Nam	03/11/2005	10A1	8.8	7.5	0.8	1.3	5.6	7.7	10.0	9.5	9.0	7.8	8.8	9.5	
28	000659	Nguyễn Dương Kim Ngân	30/04/2005	10A1	7.0	6.8	0.7	1	4.2	5.9	8.8	5.3	7.3	9.0	6.0	8.5	

29	000660	Nguyễn Hồng Ngân	23/03/2005	10A1	6.8	8.0	0.6	0.8	1.6	3.0	9.5	5.3	9.0	7.5	8.5	9.0	
30	000670	Đào Minh Ngọc	06/08/2005	10A1	4.3	6.8	1.2	0.7	1	2.9	4.3	2.8	5.0	1.0	2.0	7.0	
31	000682	Phạm Minh Nhật	26/08/2004	10A1	8.0	7.8	0.6	1.2	5.4	7.2	9.5	9.0	9.0	8.8	8.3	9.5	
32	000687	Lê Ngọc Nhi	09/02/2005	10A1	7.5	5.3	0.5	0.8	4.8	6.1	7.5	5.0	7.5	4.8	4.5	9.0	
33	000689	Nguyễn Thị Yến Nhi	02/04/2005	10A1	8.3	5.3	1.3	1.6	5.4	8.3	9.8	5.8	6.3	3.5	5.5	5.8	
34	000698	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/05/2005	10A1	6.8	5.0	1.3	1.6	5.6	8.5	7.5	8.5	8.8	8.5	9.3	8.5	
35	000705	Nguyễn Phạm Kiều Oanh	08/04/2005	10A1	6.8	4.5	1.1	1.1	4.4	6.6	9.3	9.0	7.5	6.3	8.5	6.0	
36	000714	Bùi Đào Tấn Phúc	19/06/2005	10A1	6.3	6.5	0.6	1.1	5.2	6.9	8.0	8.0	7.3	5.5	7.0	7.5	
37	000718	Lê Hoàng Kim Phụng	01/08/2005	10A1	5.8	7.5	0.9	0.9	5.4	7.2	8.0	5.0	8.8	8.3	8.8	8.0	
38	000722	Dương Hải Huyền Phương	20/10/2005	10A1	8.8	7.0	1.2	1.6	5.4	8.2	9.0	9.0	8.8	8.5	9.0	8.5	
39	000760	Cao Thị Diệp Thanh	23/09/2005	10A1	8.5	8.3	1	1.6	5.6	8.2	10.0	9.0	8.8	9.5	9.3	8.5	
40	000765	Phạm Quang Thành	08/12/2005	10A1	6.3	5.5	0.9	0.9	3.4	5.2	5.5	4.5	6.3	4.8	9.0	5.0	
41	000771	Trang Ngọc Thảo	03/07/2005	10A1	8.0	7.3	0.7	1.5	5.8	8.0	10.0	9.8	9.0	9.3	8.8	8.8	
42	000773	Trần Quang Thể	11/07/2005	10A1	8.5	7.3	1.3	1.2	5.6	8.1	9.5	9.8	9.0	8.3	9.0	9.3	
43	000793	Vũ Ngọc Bảo Thy	22/03/2005	10A1	8.3	6.5	1.1	0.9	5	7.0	8.5	8.5	6.5	7.0	8.8	8.5	
44	000814	Trương Quốc Trung	13/11/2005	10A1	5.5	6.0	0.8	1.2	4.3	6.3	6.3	7.3	5.0	2.0	4.5	4.0	
45	000822	Võ Thanh Tùng	03/08/2005	10A1	5.0	6.8	0.5	1.1	5	6.6	7.3	3.0	7.0	8.0	7.5	7.5	
46	000834	Nguyễn Hoàng Vũ	27/05/2005	10A1	6.3	6.5	0.4	0.9	3.7	5.0	6.0	5.8	5.8	4.8	8.0	8.3	
47	000842	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	16/10/2005	10A1	8.5	7.0	1.3	1.1	4.2	6.6	9.8	7.5	9.8	8.3	8.8	9.3	
48	000843	Nguyễn Ngọc Tường Vy	07/11/2005	10A1	8.5	7.5	0.8	0.8	3.6	5.2	7.0	5.0	5.0	6.0	7.8	7.5	
49	000487	Giang Nguyễn Quỳnh Anh	04/03/2005	10A2	7.8	7.5	0.7	1.3	5.8	7.8	10.0	9.8	9.0	6.8	8.5	9.0	
50	000498	Trần Ngọc Linh Anh	12/08/2005	10A2	8.3	8.5	0.9	1.2	5.2	7.3	9.0	9.5	9.0	9.0	8.8	7.5	
51	000507	Ngô Thanh Bình	17/03/2005	10A2	4.3	5.0	0.8	0.9	4.8	6.5	6.0	2.8	6.3	4.5	4.0	5.0	
52	000511	Chu Thị Quỳnh Chi	24/11/2005	10A2	1.3	6.8	0.6	1.4	4.4	6.4	3.8	2.8	6.3	3.0	5.3	7.5	
53	000518	Trần Lê Phương Dung	26/02/2005	10A2	3.3	6.8	0.8	1	5.2	7.0	9.0	4.5	6.3	8.3	5.5	5.0	
54	000522	Lê Vũ Duy	21/09/2005	10A2	7.3	5.0	1.2	0.9	4.9	7.0	6.0	8.0	4.0	5.0	7.3	4.5	
55	000536	Nguyễn Long Thành Đạt	10/11/2005	10A2	3.3	6.0	1	1.1	3	5.1	7.8	1.8	6.5	7.5	7.3	7.3	
56	000559	Nguyễn Ngọc Gia Hân	18/11/2005	10A2	6.8	8.0	1	1.3	5.8	8.1	8.5	8.3	9.3	5.0	9.0	8.0	
57	000561	Ngô Thanh Hậu	30/06/2005	10A2	9.3	7.3	1.4	1.7	5.8	8.9	8.3	9.0	7.5	8.3	8.5	8.0	
58	000562	Nguyễn Thị Diệu Hiền	25/09/2005	10A2	6.8	7.5	1	0.7	5.4	7.1	7.8	9.0	6.0	6.3	8.3	7.5	
59	000576	Trần Huy Hoàng	22/12/2005	10A2	6.0	6.8	1	0.7	5	6.7	8.0	7.3	6.5	5.5	7.8	5.3	
60	000585	Nguyễn Gia Huy	16/02/2005	10A2	7.5	7.5	1.5	1.8	5.6	8.9	7.3	6.8	8.3	6.3	7.5	9.0	
61	000589	Nguyễn Tấn Huy	03/09/2005	10A2	7.0	7.3	1.6	1.2	5.4	8.2	9.3	7.8	9.5	9.0	9.3	9.0	

62	000595	Phạm Thị Ngọc Huyền	12/12/2005	10A2	6.0	8.3	0.5	1.3	5.4	7.2	9.5	8.5	7.3	4.3	7.3	9.0	
63	000602	Đoàn Gia Hy	27/10/2005	10A2	6.0	6.8	0.4	1.3	5.6	7.3	5.8	3.0	4.0	1.5	5.8	8.8	
64	000605	Cao Vương Khang	01/10/2005	10A2	6.8	5.0	1.7	1.9	5.2	8.8	8.8	6.5	6.0	2.0	5.3	5.0	
65	000609	Nguyễn Quỳnh Kim Khánh	19/07/2004	10A2	3.0	6.8	0.5	1	5	6.5	5.8	5.8	5.0	1.5	7.3	7.0	
66	000616	Trần Phan Anh Khôi	29/09/2005	10A2	4.3	6.5	1.1	0.7	3.3	5.1	8.0	6.3	7.8	5.3	4.5	6.0	
67	000618	Nguyễn Văn Kiệt	28/08/2005	10A2	3.5	6.3	1.1	1.1	5.6	7.8	9.0	8.8	5.3	4.3	4.8	6.5	
68	000619	Trần Gia Kiệt	26/11/2005	10A2	3.5	5.8	0.7	0.9	2.2	3.8	2.0	3.8	4.5	0.8	5.3	5.0	
69	000631	Trần Phan Thành Long	06/12/2004	10A2	1.5	4.3	0.4	0.5	2.2	3.1	1.5	7.5	3.0	0.5	3.0	4.0	
70	000645	Nguyễn Huy Mạnh	25/08/2005	10A2	5.0	8.0	0.6	1.6	5.6	7.8	8.0	5.8	6.5	6.3	7.8	7.5	
71	000648	Nguyễn Hoàng Minh	31/03/2005	10A2	8.3	5.8	0.8	1	4.5	6.3	8.5	7.8	6.5	7.0	8.0	6.5	
72	000663	Nguyễn Thanh Ngân	04/04/2005	10A2	5.0	7.8	1.2	1	5.2	7.4	7.5	3.0	7.0	8.0	8.0	8.0	
73	000672	Nguyễn Đức Tuấn Ngọc	22/02/2005	10A2	3.3	6.8	0.9	1.4	5.6	7.9	9.5	5.5	6.5	5.0	3.3	6.5	
74	000675	Trần Thị Kim Ngọc	18/06/2004	10A2	8.3	7.8	1	1.3	5.4	7.7	10.0	8.5	9.5	8.8	9.0	9.5	
75	000693	Phạm Yến Nhi	28/01/2005	10A2	8.0	6.3	0.6	1.3	6	7.9	9.5	6.8	7.5	3.8	9.0	8.8	
76	000697	Hà Thị Tuyết Nhung	30/11/2005	10A2	8.0	7.3	0.8	1.3	5.2	7.3	10.0	9.8	9.8	8.8	9.0	9.0	
77	000701	Huỳnh Thị Như	02/03/2005	10A2	7.8	8.5	0.8	1.5	5.4	7.7	9.3	9.0	8.0	7.8	9.3	8.8	
78	000702	Võ Hoàng Như	11/07/2005	10A2	3.5	6.3	1.6	1.7	6	9.3	7.8	3.0	5.0	6.5	9.0	7.3	
79	000711	Hoàng Gia Triệu Phú	28/09/2005	10A2	8.0	7.3	1	1.1	5.6	7.7	9.5	9.3	6.3	6.3	8.5	6.0	
80	000723	Đặng Nguyễn Thảo Phương	28/09/2005	10A2	8.5	7.5	0.5	1.6	5.8	7.9	9.5	7.8	8.8	9.0	7.8	9.0	
81	000735	Nguyễn Hoàng Quân	16/09/2005	10A2	7.3	7.3	1	1.5	5.7	8.2	8.0	9.3	8.5	7.0	8.8	9.0	
82	000736	Nguyễn Văn Quân	08/11/2005	10A2	4.5	4.5	0.6	1.3	4.5	6.4	6.5	7.3	3.5	1.0	2.5	4.8	
83	000753	Đoàn Lê Thanh Tâm	14/03/2005	10A2	5.5	7.3	0.5	1.1	5.6	7.2	7.0	6.8	9.0	1.5	6.5	8.8	
84	000757	Thạch Phú Tân	18/10/2005	10A2	5.0	6.0	1.1	1.1	5.6	7.8	8.8	5.8	7.8	3.0	5.5	6.0	
85	000761	Nguyễn Thị Kim Thanh	21/04/2005	10A2	3.8	7.0	0.3	1.2	4.4	5.9	6.5	6.8	6.0	2.0	4.5	8.0	
86	000767	Đặng Phan Phúc Thảo	08/06/2005	10A2	5.3	6.8	1.3	1.2	5.8	8.3	6.3	6.0	8.0	8.5	3.0	8.5	
87	000789	Nguyễn Thị Hoài Thương	05/02/2005	10A2	8.0	7.0	1	1.3	5.6	7.9	9.5	8.3	8.5	6.8	9.3	8.0	
88	000813	Chu Vũ Quốc Trung	15/06/2005	10A2	2.0	6.3	0.7	0.8	4.4	5.9	3.5	2.3	5.8	2.0	6.5	5.0	
89	000815	Lê Mỹ Tú	03/09/2004	10A2	7.0	7.5	1.1	1.2	5.4	7.7	8.8	5.5	8.3	6.5	8.8	9.3	
90	000820	Phạm Lê Đình Tuấn	21/09/2005	10A2	6.5	7.3	0.9	1	4.4	6.3	8.5	6.8	7.0	6.3	8.5	8.3	
91	000823	Đinh Thị Thanh Tuyền	05/07/2005	10A2	7.5	8.0	1.2	1.4	5.4	8.0	9.8	8.0	9.3	9.0	6.5	8.8	
92	000827	Phạm Ngọc Thái Uyên	24/06/2005	10A2	7.3	5.0	0.7	1	5.8	7.5	7.5	5.5	6.0	5.0	5.8	4.0	
93	000833	Đỗ Hoàng Vũ	09/09/2005	10A2	5.0	7.5	0.6	1.2	3.8	5.6	9.3	5.5	6.0	6.0	6.8	6.5	
94	000847	Trương Thúy Vy	03/09/2005	10A2	7.0	7.8	1.1	1	5.4	7.5	9.8	6.8	5.0	6.0	8.5	9.0	

95	000485	Dương Trần Chí Tài Anh	21/11/2005	10A3	5.5	5.5	1.5	1.3	4	6.8	7.0	6.3	8.0	7.0	8.3	8.5	
96	000503	Trương Gia Bảo	19/12/2005	10A3	3.5	4.5	1	1	2.5	4.5	5.0	2.5	5.8	3.3	3.5	5.0	
97	000504	Trương Quốc Bảo	18/01/2005	10A3	6.3	6.3	1	1	3.7	5.7	7.8	8.0	5.3	2.3	5.3	6.5	
98	000526	Lê Thị Ngọc Duyên	28/05/2005	10A3	7.0	6.3	1.4	1.2	4.2	6.8	1.5	5.0	7.3	6.3	8.5	9.0	
99	000532	Phạm Thị Thùy Dương	10/07/2005	10A3	5.3	7.8	1.3	1.3	4.3	6.9	6.0	4.8	5.5	5.3	7.8	8.8	
100	000534	Nguyễn Văn Đài	03/10/2005	10A3	8.3	4.8	1.6	1	4	6.6	9.3	9.8	4.3	2.8	5.8	7.8	
101	000542	Hoàng Mạnh Đức	02/06/2005	10A3	7.8	5.3	1.7	1.5	5.2	8.4	10.0	8.8	8.0	7.0	8.8	8.3	
102	000547	Nguyễn Thị Kim Giàu	26/11/2005	10A3	5.8	3.0	1.2	1.3	4	6.5	9.0	8.3	7.3	1.3	6.5	8.0	
103	000560	Cao Thanh Hậu	07/10/2005	10A3	6.0	5.3	0.7	1.6	4	6.3	5.8	4.0	5.8	4.0	8.0	5.8	
104	000574	Lưu Văn Hoàng	13/07/2005	10A3	5.0	7.0	1.5	1.4	5.4	8.3	8.3	3.8	7.0	5.8	8.0	6.8	
105	000581	Bùi Văn Huy	01/03/2005	10A3	8.8	7.8	1.4	1.4	6	8.8	10.0	10.0	9.0	8.5	9.3	9.8	
106	000590	Nguyễn Thái Gia Huy	08/07/2005	10A3	8.8	5.8	1.6	1.9	5.8	9.3	8.5	9.3	6.5	9.5	9.0	7.5	
107	000600	Lê Quỳnh Hương	27/05/2005	10A3	6.3	6.3	0.8	0.9	1	2.7	6.5	2.8	3.0	0.3	5.5	5.5	
108	000601	Lê Thị Thu Hương	06/11/2005	10A3	8.5	7.3	0.6	1.3	5.4	7.3	10.0	9.0	9.0	8.8	9.3	8.5	
109	000604	Bùi Huy Khang	25/09/2005	10A3	8.3	7.0	1.5	1.3	4.7	7.5	8.5	8.8	8.3	6.8	7.8	6.5	
110	000615	Trần Nguyễn Anh Khoa	14/03/2005	10A3	8.3	7.0	0.9	1.4	6	8.3	9.5	9.3	9.0	8.8	8.8	7.5	
111	000629	Trần Ngọc Linh	29/10/2005	10A3	5.8	7.3	0.9	1.1	4.8	6.8	10.0	8.0	8.0	8.0	8.3	8.5	
112	000637	Hồ Cẩm Ly	10/04/2005	10A3	7.5	6.5	0.6	1.2	5.2	7.0	7.3	10.0	8.8	6.3	9.0	8.5	
113	000639	Phạm Quỳnh Ly	12/03/2005	10A3	4.3	5.5	0.4	0.8	1.6	2.8	1.8	3.0	6.3	5.0	7.5	9.3	
114	000655	Lý Nhựt Nam	12/05/2005	10A3	6.8	6.8	1.3	1.4	4.6	7.3	10.0	9.5	6.5	7.3	8.0	6.0	
115	000665	Nguyễn Thiên Ngân	17/03/2005	10A3	7.0	7.0	1	1.4	4.2	6.6	9.5	7.0	8.0	7.0	4.8	7.5	
116	000671	Lý Thị Hồng Ngọc	10/06/2005	10A3	8.3	6.8	0.7	0.6	3.7	5.0	9.0	8.8	8.8	9.3	8.8	7.0	
117	000677	Nguyễn Danh Thảo Nguyên	09/05/2005	10A3	7.3	6.3	0.7	1.2	5.2	7.1	8.5	9.5	8.0	8.5	8.5	6.8	
118	000694	Trần Thị Thảo Nhi	16/04/2005	10A3	8.5	5.0	1.2	1.4	5.8	8.4	8.0	6.5	8.5	5.8	9.0	6.8	
119	000695	Trần Thị Yến Nhi	15/04/2005	10A3	7.3	6.0	0.9	0.9	5.8	7.6	7.0	5.5	6.3	8.8	8.8	8.0	
120	000706	Đào Đức Phát	31/12/2005	10A3	8.0	4.5	1.3	1.4	5.6	8.3	10.0	9.3	9.3	9.5	9.0	9.0	
121	000710	Trương Thanh Phong	13/05/2005	10A3	8.8	8.3	1	1.6	5.2	7.8	10.0	8.5	8.5	8.0	8.8	7.0	
122	000717	Trần Bảo Phúc	12/09/2005	10A3	8.8	7.5	1.1	1.2	5.6	7.9	8.5	9.0	8.5	8.5	9.0	8.0	
123	000727	Nguyễn Thị Hoài Phương	26/10/2005	10A3	7.8	8.0	1.3	1.3	4.8	7.4	8.5	8.3	8.0	7.8	9.0	9.0	
124	000729	Hồ Nhật Quang	02/10/2005	10A3	3.3	3.0	1.3	1.4	4.2	6.9	9.8	5.3	6.0	4.0	2.3	5.5	
125	000733	Lê Văn Quân	11/11/2005	10A3	9.0	7.8	1.4	1.2	5.8	8.4	10.0	9.5	9.0	9.3	9.3	9.5	
126	000738	Đoàn Kiến Quốc	18/09/2005	10A3	5.5	5.3	1.6	1.3	1.8	4.7	8.5	6.0	8.0	7.3	9.3	8.8	
127	000744	Phạm Nguyễn Như Quỳnh	23/08/2005	10A3	7.5	8.0	1.1	1	4.1	6.2	4.0	5.5	6.5	4.0	8.8	7.0	

128	000747	Trương Tấn Sang	08/03/2005	10A3	2.8	6.5	1.2	0.9	2.5	4.6	3.0	2.8	6.0	2.5	3.3	7.5	
129	000749	Nguyễn Thị Yến Sơn	21/12/2005	10A3	6.0	7.0	1.5	0.8	5.8	8.1	7.0	9.0	8.0	8.3	8.5	10.0	
130	000774	Nguyễn Hữu Thiện	26/05/2005	10A3	10.0	4.0	1.6	1.7	6	9.3	10.0	8.3	7.0	1.5	6.5	7.0	
131	000778	Nguyễn Phan Huy Thuận	01/10/2005	10A3	7.0	8.3	1.3	1.2	4.4	6.9	5.3	5.5	5.5	1.3	6.3	7.5	
132	000786	Phạm Minh Thư	20/07/2005	10A3	6.0	6.5	1.3	1.1	4.7	7.1	6.0	7.5	6.5	3.0	6.0	6.5	
133	000790	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/04/2005	10A3	8.0	7.3	0.9	1	5.8	7.7	8.5	10.0	8.3	9.5	8.5	8.5	
134	000832	Bùi Nguyễn Tấn Vũ	04/09/2005	10A3	6.0	7.3	1.3	1.2	2.7	5.2	6.8	8.8	2.0	2.8	5.3	6.0	
135	000835	Trần Thanh Vũ	14/02/2005	10A3	7.8	4.8	1.3	1	5.3	7.6	7.0	8.3	8.5	8.3	8.5	8.3	
136	000841	Nguyễn Huỳnh Thanh Vy	28/09/2005	10A3	7.0	7.0	0.6	0.8	3.6	5.0	9.3	5.0	6.8	4.0	4.3	8.8	
137	000845	Thạch Hồng Thảo Vy	29/05/2005	10A3	7.0	8.0	0.5	1.2	5.8	7.5	8.0	8.5	8.5	9.0	9.3	9.3	
138	000849	Trần Nguyễn Như Ý	02/07/2005	10A3	8.3	6.8	1.1	1.1	3	5.2	5.8	7.3	6.0	4.0	7.5	8.3	
139	000852	Dương Thị Kim Yến	27/06/2005	10A3	7.0	7.3	1.1	1.3	4.6	7.0	8.8	8.0	8.3	7.5	8.8	7.5	
140	000853	Lương Nguyễn Hải Yến	17/11/2005	10A3	2.5	7.0	0.8	1.4	4.2	6.4	9.0	3.8	8.5	6.5	6.8	6.3	
141	000486	Đỗ Thị Lan Anh	09/09/2005	10A4	7.8	8.3	1.4	1.8	6	9.2	10.0	9.5	8.8	9.0	9.0	9.5	
142	000497	Trần Ngọc Anh	07/05/2005	10A4	5.3	7.0	1.1	0.9	5.6	7.6	10.0	9.8	8.3	8.0	8.8	8.5	
143	000501	Lâm Gia Bảo	31/07/2005	10A4	7.0	7.0	1.2	1.4	5.4	8.0	8.5	8.8	7.5	8.5	8.0	7.5	
144	000502	Lê Hoài Bảo	21/05/2005	10A4	7.0	7.3	1.1	0.9	4.9	6.9	10.0	5.8	8.5	6.8	8.0	9.0	
145	000512	Nguyễn Thảo Chi	26/04/2005	10A4	6.5	5.5	1.3	1	3.8	6.1	9.0	7.3	6.0	7.3	6.0	8.5	
146	000541	Ngô Thanh Điền	28/09/2005	10A4	6.5	6.5	0.6	0.9	4.9	6.4	10.0	6.8	9.3	9.0	8.8	9.3	
147	000563	Nguyễn Xuân Hiển	06/01/2005	10A4	4.5	6.8	0.6	0.9	4.4	5.9	5.8	6.8	5.5	5.8	8.3	6.0	
148	000568	Phạm Thị Kim Hoa	24/09/2005	10A4	7.8	7.5	1.4	1.5	5.6	8.5	9.8	8.8	9.3	8.3	9.8	10.0	
149	000570	Phạm Trần Gia Hòa	01/09/2005	10A4	4.3	7.3	1.1	0.7	4	5.8	9.0	6.0	5.0	6.0	2.8	8.8	
150	000579	Nguyễn Quốc Hùng	01/06/2005	10A4	1.5	4.5	1.2	1.4	5	7.6	0.0	2.3	2.8	0.5	0.0	5.0	
151	000593	Uông Gia Huy	10/07/2005	10A4	2.8	6.0	1.1	0.7	4.6	6.4	8.0	4.3	7.5	6.0	6.3	8.5	
152	000607	Nguyễn Gia Khánh	30/03/2005	10A4	1.5	6.3	1.3	0.9	4.3	6.5	4.0	2.8	4.5	4.8	5.5	9.0	
153	000614	Nguyễn Võ Anh Khoa	05/10/2005	10A4	2.5	6.3	1.6	1.8	4.4	7.8	6.5	2.5	4.5	6.5	6.0	6.0	
154	000625	Nguyễn Hồng Thùy Linh	30/10/2005	10A4	7.8	8.0	1.4	1.2	6	8.6	10.0	9.8	9.0	9.5	7.8	8.5	
155	000635	Nguyễn Hồng Lụa	05/10/2005	10A4	5.0	7.8	0.3	0.8	3.5	4.6	9.0	7.8	6.3	7.5	8.0	8.5	
156	000636	Nguyễn Hữu Luân	25/10/2005	10A4	7.8	8.0	0.7	1.2	5.8	7.7	9.0	9.3	9.0	8.3	9.0	9.0	
157	000651	Phan Thảo My	16/08/2005	10A4	8.5	8.0	0.6	1.1	5.4	7.1	10.0	9.3	9.3	7.3	9.0	9.0	
158	000653	Nguyễn Vũ Anh Mỹ	27/08/2005	10A4	7.5	7.3	1.4	1.5	5.8	8.7	10.0	7.0	9.0	7.0	7.5	6.5	
159	000657	Trương Tuyết Nga	02/02/2005	10A4	3.8	7.3	0.3	1.2	5.6	7.1	5.3	8.5	9.0	4.8	5.8	10.0	
160	000664	Nguyễn Thị Bích Ngân	17/09/2005	10A4	3.5	7.3	1.1	0.8	1.8	3.7	6.0	2.5	4.0	3.5	0.3	6.0	

161	000667	Trương Nguyễn Ngọc Ngân	15/08/2005	10A4	7.5	6.8	0.9	1.1	5.8	7.8	10.0	8.0	9.8	6.8	7.8	8.0	
162	000678	Nguyễn Thị Nguyên	31/07/2005	10A4	4.3	7.5	0.9	1.1	4.5	6.5	6.8	7.5	7.0	6.3	7.5	8.0	
163	000679	Trần Huỳnh Trương Nguyễn	21/02/2004	10A4	5.0	4.3	1.2	1.4	4.6	7.2	7.8	7.0	6.0	5.8	7.5	7.5	
164	000684	Bùi Thị Yến Nhi	11/12/2005	10A4	2.8	7.5	1.5	1.1	4.3	6.9	7.5	4.3	8.3	5.8	8.5	7.8	
165	000688	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	28/08/2005	10A4	4.0	7.0	0.8	1.7	5.4	7.9	9.0	6.3	9.8	8.8	9.5	9.5	
166	000721	Mai Lê Hữu Phước	19/07/2005	10A4	5.0	6.0	1	0.9	5	6.9	7.3	3.5	4.5	3.3	7.5	5.5	
167	000724	Đinh Thùy Uyên Phương	25/05/2005	10A4	6.0	6.5	0.7	1	5	6.7	5.8	5.5	6.3	8.3	7.8	8.0	
168	000725	Lê Hải Phương	24/08/2005	10A4	5.0	6.5	1.1	1.6	4.9	7.6	5.8	6.3	7.8	5.0	7.3	7.5	
169	000732	Đặng Anh Quân	22/03/2005	10A4	3.8	7.0	1.4	1.2	3.3	5.9	6.8	6.3	5.0	4.8	6.0	8.0	
170	000748	Nguyễn Hoàng Sơn	12/04/2005	10A4	6.0	7.0	0.2	1.1	4	5.3	8.3	8.3	5.8	7.0	5.5	9.5	
171	000750	Bạch Văn Tài	06/11/2004	10A4	0.8	6.8	1.2	0.9	0.7	2.8	4.5	4.3	4.3	0.5	5.8	5.5	
172	000752	Nguyễn Hữu Tấn Tài	23/11/2005	10A4	4.0	7.3	1.2	0.9	3.4	5.5	9.3	6.3	7.3	5.0	7.5	8.0	
173	000764	Lê Văn Thành	09/01/2004	10A4	5.3	6.5	0.6	1	3.5	5.1	8.3	5.8	8.8	6.8	6.3	9.0	
174	000769	Nguyễn Hồng Thảo	24/05/2005	10A4	8.3	8.8	1.3	2	6	9.3	10.0	9.8	10.0	9.5	9.5	10.0	
175	000775	Phạm Minh Thiện	30/03/2005	10A4	5.8	7.3	1.3	0.8	4.1	6.2	8.3	5.3	8.8	6.8	7.5	8.3	
176	000777	Nguyễn Thị Kim Thoa	27/12/2005	10A4	3.3	5.3	1.1	1	5	7.1	8.0	4.0	7.0	3.3	7.8	5.0	
177	000783	Lê Nguyễn Anh Thư	28/12/2005	10A4	6.5	7.3	1.1	1	5.5	7.6	9.8	8.5	9.8	9.5	8.0	8.5	
178	000791	Nguyễn Thị Xuân Thương	31/08/2005	10A4	5.8	7.5	0.9	1.4	5.5	7.8	9.8	7.5	8.3	7.8	7.3	7.5	
179	000798	Nguyễn Trung Tín	29/03/2005	10A4	7.5	7.0	0.8	1.6	5.4	7.8	10.0	5.5	6.8	7.5	6.8	7.5	
180	000799	Trần Mạnh Toàn	19/10/2005	10A4	1.3	4.3	1.1	1.7	4.2	7.0	8.0	4.0	5.5	7.8	7.3	7.5	
181	000807	Nguyễn Thụy Huyền Trâm	20/07/2005	10A4	6.5	7.0	0.7	0.9	4.1	5.7	6.3	9.5	5.0	5.3	8.3	8.0	
182	000808	Hồ Ngọc Trí	11/07/2005	10A4	4.3	6.8	1.3	1.1	4.8	7.2	7.5	6.3	5.8	1.8	5.8	6.8	
183	000824	Nguyễn Phan Thanh Tuyền	22/08/2005	10A4	5.8	7.0	1.6	1.4	5.8	8.8	7.5	5.3	8.0	5.8	7.5	9.3	
184	000831	Lê Quách Triệu Vĩ	23/02/2005	10A4	3.3	6.5	0.9	1.6	5.4	7.9	8.3	1.0	7.3	4.5	6.3	9.5	
185	000840	Nguyễn Đặng Khả Vy	24/05/2005	10A4	6.3	7.0	1.4	1.4	5.4	8.2	9.0	6.5	8.0	7.0	8.0	8.5	
186	000850	Trần Nguyễn Như Ý	01/09/2005	10A4	5.0	7.0	1.6	1.4	5.6	8.6	6.5	7.0	8.8	8.5	7.8	7.3	
187	000856	Nguyễn Thị Hải Yến	03/03/2005	10A4	2.8	6.5	1.6	1.6	4	7.2	2.0	3.5	5.0	4.0	4.5	7.8	
188	000484	Dư Vũ Vân Anh	16/03/2005	10A5	2.8	7.0	0.7	1.6	3.6	5.9	3.3	3.8	5.8	5.8	4.8	6.0	
189	000491	Nguyễn Lê Tuấn Anh	17/11/2005	10A5	6.5	6.8	0.8	1	5.2	7.0	8.0	8.0	8.5	2.5	8.3	6.0	
190	000500	Phạm Huỳnh Ngọc Hiếu Ân	25/11/2005	10A5	4.3	6.8	0.9	0.9	4.4	6.2	8.8	4.5	9.3	1.5	7.5	7.5	
191	000510	Lê Ngọc Bảo Châu	08/06/2005	10A5	3.0	3.8	0.4	0.7	4.2	5.3	4.3	4.3	5.0	3.0	6.8	9.0	
192	000514	Nguyễn Thị Diệp Chúc	20/08/2005	10A5	8.8	7.8	0.6	1.2	5.6	7.4	10.0	9.5	9.0	9.5	8.5	8.0	
193	000516	Lê Thanh Danh	22/12/2005	10A5	5.0	2.5	0.4	1.3	5.1	6.8	9.3	2.8	7.3	3.5	6.0	7.5	

194	000535	Mai Phát Đạt	01/07/2005	10A5	5.0	5.5	0.7	1.4	4.5	6.6	9.0	7.5	9.8	7.3	6.8	8.5	
195	000543	Nguyễn Thiện Đức	23/11/2005	10A5	5.5	7.5	0.9	1.2	4.4	6.5	8.3	7.0	7.5	6.5	6.5	8.5	
196	000546	Trần Thanh Giang	11/08/2004	10A5	6.0	6.8	1	1.1	2.6	4.7	6.8	5.5	9.5	2.3	9.0	10.0	
197	000549	Nguyễn Lê Duy Hải	11/07/2005	10A5	8.0	4.8	0.9	1.3	5.1	7.3	8.5	5.3	5.0	7.5	8.3	8.3	
198	000552	Huỳnh Phú Hào	01/01/2005	10A5	6.3	6.0	0.7	0.8	3.6	5.1	8.0	5.8	7.3	1.8	6.5	9.3	
199	000556	Lê Thị Kim Hằng	14/03/2005	10A5	3.3	7.3	1.1	1.1	3.9	6.1	5.8	8.0	5.0	1.5	4.8	8.0	
200	000565	Phạm Trung Hiếu	19/03/2005	10A5	5.0	6.8	0.7	1	5	6.7	9.5	5.3	8.3	8.5	8.8	8.0	
201	000566	Dương Huế Hoa	03/02/2005	10A5	6.3	6.8	0.6	0.9	5.2	6.7	9.8	6.3	9.0	9.0	8.5	8.0	
202	000569	Dương Lê Gia Hòa	12/06/2004	10A5	0.5	2.3	0.3	0.4	0.2	0.9	3.0	2.3	7.0	0.3	0.0	2.5	
203	000588	Nguyễn Phan Gia Huy	13/06/2005	10A5	2.5	6.8	0.5	1.6	5.2	7.3	7.3	5.3	7.0	5.0	8.8	8.5	
204	000592	Trương Nguyễn Mai Huy	09/03/2005	10A5	5.0	4.5	1.2	1.8	4.2	7.2	7.8	7.5	7.8	4.3	8.5	8.0	
205	000610	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	05/06/2005	10A5	4.0	5.8	0.7	0.7	4.2	5.6	6.3	2.3	5.8	5.5	6.3	7.0	
206	000611	Lê Đức Anh Khoa	02/10/2005	10A5	5.8	6.8	0.7	1.5	3.4	5.6	7.0	6.3	9.0	4.8	7.3	7.0	
207	000617	Nguyễn Hoàng Như Khuê	26/04/2005	10A5	4.5	8.3	0.3	1	3.4	4.7	1.3	2.3	5.0	2.3	6.8	5.5	VPQCT
208	000644	Võ Xuân Mai	03/03/2005	10A5	2.0	5.5	0.7	0.7	2.5	3.9	7.0	6.0	4.5	6.0	6.5	7.0	
209	000652	Trần Ngọc Kiều My	28/09/2005	10A5	6.3	6.8	0.5	0.9	2	3.4	9.5	4.0	6.3	6.5	7.3	5.5	
210	000656	Dương Vân Nga	13/10/2005	10A5	7.0	6.8	0.6	1.2	4.8	6.6	8.8	7.8	7.0	6.5	6.0	8.5	
211	000668	Võ Thủy Ngân	24/12/2004	10A5	8.5	7.8	0.7	1.2	6	7.9	9.3	9.8	9.8	7.8	8.5	6.5	
212	000674	Nguyễn Thị Kim Ngọc	01/08/2005	10A5	7.5	6.5	0.3	1.2	5.5	7.0	8.5	6.5	7.0	6.0	8.3	9.0	
213	000686	Huỳnh Yến Nhi	16/04/2005	10A5	3.8	5.3	1.1	0.9	5.2	7.2	6.0	2.8	7.3	2.0	4.5	8.0	
214	000696	Tạ Thùy Nhiên	18/07/2005	10A5	5.0	5.0	1	1.2	4.8	7.0	8.8	8.0	9.0	7.5	8.8	8.3	
215	000704	Đinh Thị Nụ	31/05/2005	10A5	4.5	5.0	0.6	0.9	5.8	7.3	8.3	9.0	5.8	8.8	9.0	8.3	
216	000731	Đào Minh Quân	10/10/2005	10A5	6.8	6.3	1.3	1.5	5.4	8.2	5.3	7.8	8.0	5.5	8.3	5.0	
217	000754	Đỗ Cao Minh Tâm	17/11/2005	10A5	3.3	5.0	1	1.2	4	6.2	4.0	1.0	4.5	7.0	4.0	8.8	
218	000758	Trần Xuân Tấn	19/05/2005	10A5	5.8	7.0	0.7	1	5.4	7.1	10.0	9.8	7.3	9.3	8.3	8.0	
219	000759	Hoàng Hồng Thái	27/12/2005	10A5	5.8	7.5	0.4	1.2	5.8	7.4	9.3	9.0	9.3	7.8	8.3	8.0	
220	000762	Trần Tân Thanh	03/09/2005	10A5	5.8	5.8	0.8	0.8	3.4	5.0	7.8	8.3	6.0	5.8	5.8	8.5	
221	000766	Phan Tấn Thành	18/10/2005	10A5	2.5	6.3	0.5	1.4	5.6	7.5	8.5	7.0	6.5	6.5	4.3	8.0	
222	000770	Phạm Thị Phương Thảo	09/12/2005	10A5	2.5	7.0	1	1.6	2.4	5.0	3.0	4.5	7.0	3.3	2.3	7.3	
223	000782	Dương Nguyễn Minh Thư	27/12/2005	10A5	6.8	3.5	0.6	1.1	3.7	5.4	5.8	3.8	5.3	4.8	5.0	8.0	
224	000784	Nguyễn Anh Thư	17/10/2005	10A5	7.5	7.5	0.7	1.6	5	7.3	9.8	5.0	9.5	8.0	7.8	8.5	
225	000796	Huỳnh Ngọc Minh Tiến	17/04/2005	10A5	7.0	5.8	0.8	1.6	4.8	7.2	7.0	6.0	8.0	6.3	7.3	6.5	
226	000797	Lê Trọng Tín	04/08/2005	10A5	3.5	5.8	0.7	1.2	5.2	7.1	8.0	3.3	6.0	4.0	8.3	7.5	

227	000801	Lê Thị Thùy Trang	19/04/2005	10A5	6.0	7.8	0.6	0.9	3.5	5.0	10.0	8.5	9.0	6.3	7.5	9.0	
228	000802	Nguyễn Thảo Trang	24/02/2005	10A5	6.5	5.5	1.1	1.8	4.4	7.3	9.0	8.0	7.0	7.3	6.8	6.5	
229	000809	Ngô Thiên Triều	20/08/2005	10A5	5.0	7.3	0.5	1.5	6	8.0	8.5	7.3	7.0	6.5	7.8	7.5	
230	000821	Nguyễn Hữu Tùng	02/07/2005	10A5	7.8	6.8	0.7	1.3	5.3	7.3	9.5	7.8	8.8	6.8	8.8	9.5	
231	000838	Đặng Ngọc Trường Vy	11/08/2005	10A5	7.8	7.8	0.5	1.8	5.8	8.1	9.8	9.3	9.8	8.8	9.0	10.0	
232	000839	Hồ Nguyễn Huyền Vy	28/02/2005	10A5	6.5	7.5	0.7	1.3	4	6.0	8.5	7.0	9.0	6.3	3.3	8.5	
233	000851	Đặng Thị Mỹ Yên	17/04/2005	10A5	4.3	7.5	0.8	1.3	4.4	6.5	8.3	4.0	7.8	6.3	8.3	8.5	
234	000492	Nguyễn Thanh Kim Anh	06/11/2005	10A6	4.3	7.3	0.7	1	3.4	5.1	8.0	5.8	7.8	4.3	6.8	8.5	
235	000495	Phạm Nguyễn Hoàng Anh	09/02/2005	10A6	7.8	6.5	0.6	1.7	5.8	8.1	9.8	7.3	9.0	8.3	8.8	8.0	
236	000513	Đặng Thị Thanh Chúc	09/01/2005	10A6	7.8	8.3	0.3	1.6	5.6	7.5	9.5	9.5	9.3	9.0	9.3	8.5	
237	000517	Nguyễn Ngọc Diệp	28/11/2005	10A6	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
238	000524	Cao Nguyễn Mỹ Duyên	18/01/2005	10A6	6.3	6.5	0.9	1.8	5.6	8.3	10.0	7.8	7.3	5.0	6.0	7.5	
239	000538	Trịnh Quốc Đạt	24/04/2005	10A6	7.0	7.5	0.5	1	5.5	7.0	8.5	8.5	8.5	8.3	8.5	9.3	
240	000540	Nguyễn Khánh Đăng	07/03/2005	10A6	7.3	7.3	0.6	1.4	5.4	7.4	10.0	7.3	9.5	9.0	8.8	8.0	
241	000544	Nguyễn Hồng Gấm	19/01/2005	10A6	5.3	7.8	0.7	1.2	3.4	5.3	7.5	5.8	7.8	4.3	5.8	8.5	
242	000545	La Hoài Giang	22/03/2005	10A6	7.0	6.8	0.7	1.2	5.2	7.1	5.7	4.3	8.5	7.8	8.5	9.5	
243	000554	Lê Thị Hảo	26/12/2005	10A6	5.3	7.5	0.4	0.9	4.8	6.1	7.3	5.3	6.3	2.8	7.0	9.0	
244	000558	Đỗ Ngọc Bảo Hân	20/08/2005	10A6	3.0	7.0	0.4	1	5.2	6.6	6.8	1.8	6.8	5.3	5.0	5.0	
245	000564	Trần Hoàng Hiệp	01/12/2005	10A6	3.5	6.5	0.6	1.8	5.6	8.0	7.3	2.3	6.8	8.0	7.8	7.8	
246	000584	NguyễN Đang Huy	11/01/2004	10A6	6.8	6.5	1	0.5	4.4	5.9	8.5	7.5	7.0	7.0	8.8	7.0	
247	000594	Võ Bùi Quang Huy	15/03/2005	10A6	4.0	6.8	0.5	1.5	4.8	6.8	9.3	3.3	7.8	7.5	7.0	9.0	
248	000598	Nguyễn Đặng Phước Hưng	09/12/2005	10A6	6.0	4.8	0.6	1.4	4.8	6.8	9.3	7.5	9.8	5.5	9.0	7.0	
249	000621	Trần Văn Lâm	28/03/2005	10A6	4.5	7.8	0.5	0.9	3.6	5.0	8.8	5.3	3.3	0.3	4.0	6.5	
250	000626	Nguyễn Thị Thùy Linh	23/10/2005	10A6	5.8	8.5	0.7	0.9	4.5	6.1	8.0	7.8	5.8	7.0	8.0	7.5	
251	000632	Hoàng Phúc Lộc	06/09/2005	10A6	5.5	4.5	0.6	0.9	4.3	5.8	8.0	4.3	6.5	4.3	8.3	6.5	
252	000634	Ngô Hữu Lợi	18/07/2005	10A6	8.0	6.5	0.5	1.2	5	6.7	10.0	7.8	8.3	9.0	9.0	6.5	
253	000641	Huỳnh Ngọc Tuyết Mai	07/05/2005	10A6	7.5	7.3	0.8	1.5	5.2	7.5	10.0	9.8	9.8	9.5	10.0	10.0	
254	000649	Tống Anh Minh	10/06/2005	10A6	4.3	6.0	0.8	1.5	3.2	5.5	8.8	3.8	5.3	4.8	5.5	5.0	
255	000658	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	22/03/2005	10A6	5.5	6.0	0.7	1.4	5.2	7.3	8.5	6.5	8.0	8.0	8.0	6.5	
256	000661	Nguyễn Lê Bảo Ngân	31/10/2005	10A6	6.3	5.8	0.7	0.9	2.5	4.1	9.5	6.5	8.3	6.8	7.3	9.0	
257	000676	Trương Minh Ngọc	31/07/2005	10A6	6.5	8.0	0.8	0.9	5.2	6.9	9.3	6.8	7.3	7.0	6.5	7.5	
258	000683	Văn Nguyễn Minh Nhật	20/02/2005	10A6	3.8	5.0	0.7	1.2	3.4	5.3	6.0	4.0	3.8	5.3	4.3	7.5	
259	000691	Nguyễn Yến Nhi	15/03/2005	10A6	4.0	5.0	0.3	1.2	4.8	6.3	7.3	4.0	7.8	7.0	5.0	5.8	

260	000703	Vũ Thị Quỳnh Như	25/01/2005	10A6	5.5	5.0	0.4	0.6	5	6.0	8.3	6.3	6.8	6.8	7.3	7.5	
261	000708	Phạm Thành Phát	10/08/2005	10A6	6.3	3.8	0.8	1.2	5	7.0	7.3	6.0	5.5	4.5	8.5	8.0	
262	000713	Trần Đức Phú	12/06/2005	10A6	7.0	7.0	0.7	1.2	5.4	7.3	10.0	7.0	8.8	5.8	9.0	7.5	
263	000716	Nguyễn Ngọc Phúc	13/01/2005	10A6	8.8	7.3	1	1.3	5.4	7.7	9.8	8.5	9.0	9.0	9.0	7.5	
264	000726	Nguyễn Thanh Phương	25/04/2005	10A6	5.5	5.0	1	1.3	5.6	7.9	9.0	9.3	4.0	6.0	5.3	7.0	
265	000728	Lê Minh Quan	12/09/2005	10A6	5.0	6.5	0.4	1	5.1	6.5	7.5	3.0	4.5	2.0	6.8	6.5	
266	000730	Phạm Nhật Quang	18/07/2004	10A6	5.0	1.8	1.2	1.4	3.8	6.4	7.3	6.0	3.5	4.8	5.3	5.0	
267	000742	Nguyễn Lê Thục Quyên	08/12/2005	10A6	5.0	7.8	0.3	0.8	4.8	5.9	5.3	3.5	2.3	7.8	6.0	7.8	VPQCT
268	000745	Nguyễn Đỗ Thanh Sang	05/06/2005	10A6	7.0	6.5	0.7	1.2	4.8	6.7	9.5	7.3	3.3	8.5	6.8	9.3	VPQCT
269	000746	Nguyễn Thế Sang	26/10/2005	10A6	6.3	5.8	1	1.5	5.2	7.7	6.3	4.3	4.3	7.0	4.0	5.3	
270	000755	Phạm Thanh Tâm	28/06/2005	10A6	6.0	8.0	0.3	1	3.5	4.8	9.5	7.0	2.5	6.0	2.8	6.5	VPQCT
271	000756	Cao Hoàng Duy Tân	09/09/2005	10A6	4.0	7.0	0.9	0.5	3	4.4	9.0	2.0	3.0	1.0	7.5	7.0	VPQCT
272	000763	Hồ Văn Quang Thành	05/02/2005	10A6	5.0	5.0	0.3	0.7	4.2	5.2	8.3	6.5	4.0	1.3	4.8	5.0	
273	000768	Lê Thanh Thảo	15/10/2005	10A6	6.3	8.3	0.2	0.6	3.7	4.5	8.3	6.8	8.3	7.8	9.3	9.3	
274	000772	Nguyễn Đức Thắng	25/07/2005	10A6	4.0	3.0	0.6	1.7	5.4	7.7	7.5	2.5	6.3	0.3	0.0	4.5	
275	000781	Nguyễn Thị Thanh Thúy	10/05/2005	10A6	7.5	6.5	0.8	1	5.4	7.2	10.0	8.8	8.0	8.3	8.3	8.0	
276	000785	Nguyễn Lê Anh Thư	14/12/2005	10A6	5.3	6.8	0.7	1.3	5.8	7.8	9.0	8.3	9.8	8.3	8.5	7.0	
277	000795	Hồ Thanh Tiền	19/08/2005	10A6	4.0	5.5	0.9	0.7	3.3	4.9	9.3	8.3	4.5	5.0	7.8	7.0	
278	000803	Nguyễn Thị Thùy Trang	05/11/2005	10A6	7.3	7.8	0.7	1.4	6	8.1	10.0	9.8	9.8	9.5	9.0	9.0	
279	000829	Nguyễn Hoàng Thúy Vi	05/06/2005	10A6	8.0	5.8	0.6	1.6	5.8	8.0	10.0	8.5	8.5	7.5	9.3	8.5	
280	000488	Ngô Quang Tuấn Anh	05/05/2005	10A7	3.8	7.0	1.1	1.3	5.4	7.8	6.8	6.3	7.5	6.0	8.5	6.5	
281	000489	Nguyễn Châu Anh	15/09/2005	10A7	7.0	7.5	0.4	1.3	5.9	7.6	9.3	10.0	10.0	7.5	8.8	8.5	
282	000490	Nguyễn Hoàng Anh	04/02/2004	10A7	3.3	6.0	0.6	1.2	5.2	7.0	8.5	3.8	8.3	4.3	6.8	6.0	
283	000494	Nguyễn Vân Anh	14/01/2005	10A7	7.3	7.5	0.8	1	4.8	6.6	7.8	6.0	7.0	9.0	6.0	8.5	
284	000505	Nguyễn Văn Bằng	12/12/2005	10A7	6.0	7.5	1.1	0.8	2.7	4.6	6.0	9.8	7.3	6.3	7.0	6.5	
285	000506	Nguyễn Hồ Ngọc Bích	09/08/2005	10A7	5.8	7.3	0.8	1.2	4.8	6.8	8.3	6.5	9.3	6.5	9.0	9.0	
286	000509	Phan Duyên Bình	21/04/2005	10A7	6.8	6.3	0.7	1.4	5.2	7.3	9.0	8.5	9.5	7.8	6.8	7.8	
287	000523	Nguyễn Trọng Duy	09/12/2005	10A7	6.5	5.3	0.8	0.9	4	5.7	7.5	9.8	8.0	8.3	8.5	7.5	
288	000533	Phan Nguyễn Quỳnh Dương	12/12/2005	10A7	6.5	8.0	0.7	1.4	5.8	7.9	9.5	7.0	9.5	9.3	8.0	9.3	
289	000548	Huỳnh Ngọc Hải	11/10/2005	10A7	2.5	6.8	1	1.3	4.2	6.5	2.5	2.5	6.8	4.8	5.0	8.0	
290	000553	Trần Hồ Anh Hào	07/06/2005	10A7	7.5	7.5	1.1	1.5	5.2	7.8	9.5	6.3	8.5	9.0	9.3	8.8	
291	000557	Phạm Như Minh Hằng	07/03/2005	10A7	7.3	7.5	0.5	1.9	6	8.4	7.5	7.0	8.3	5.3	9.0	8.5	
292	000580	Bùi Gia Huy	08/06/2005	10A7	8.8	6.8	0.5	1.3	6	7.8	10.0	9.8	9.3	9.0	9.3	9.5	

293	000587	Nguyễn Lâm Nghĩa Huy	10/01/2005	10A7	5.0	6.3	0.6	1.1	5.2	6.9	7.0	5.3	8.8	8.3	9.5	9.0	
294	000599	Phạm Tấn Hưng	25/02/2005	10A7	5.5	6.5	0.9	1.2	4.7	6.8	8.5	8.5	9.8	6.0	7.8	9.3	
295	000603	Trần Quang Khải	05/10/2005	10A7	5.5	7.3	0.5	1.1	5.6	7.2	6.5	5.5	5.5	3.5	5.0	8.0	
296	000606	Trần Phú Khang	22/01/2005	10A7	8.5	6.8	1.1	1.7	6	8.8	10.0	9.5	9.5	8.3	10.0	8.8	
297	000612	Lê Vũ Anh Khoa	15/06/2005	10A7	6.0	7.3	0.7	1.1	4.7	6.5	8.5	7.8	9.0	7.0	9.3	7.5	
298	000627	Phan Khánh Linh	20/08/2004	10A7	7.0	8.5	0.4	1.2	5	6.6	5.3	5.0	8.8	3.8	8.0	7.0	
299	000647	Lê Nguyễn Hoàng Minh	18/02/2005	10A7	8.8	6.0	0.7	1.2	5	6.9	8.5	6.3	9.3	8.8	9.0	8.5	
300	000662	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	16/07/2005	10A7	3.5	6.0	0.5	0.7	4.8	6.0	4.5	4.0	7.0	1.8	4.3	6.5	
301	000666	Phạm Trần Thành Ngân	28/08/2005	10A7	6.5	7.0	0.5	0.7	4	5.2	7.8	4.5	5.5	5.3	7.5	7.5	
302	000681	Nguyễn Trần Minh Nhật	14/08/2005	10A7	6.3	7.0	0.8	1.2	3.6	5.6	8.0	7.5	6.3	6.5	7.8	6.0	
303	000692	Phạm Nguyễn Thảo Nhi	18/10/2005	10A7	6.5	5.0	0.4	1.3	6	7.7	9.5	9.8	7.3	7.0	8.3	8.0	
304	000699	Giang Tâm Như	20/12/2005	10A7	7.5	7.8	0.6	1.6	5.6	7.8	10.0	9.3	9.5	9.0	9.3	10.0	
305	000707	Lê Xuân Hoàng Phát	09/10/2005	10A7	6.3	7.3	0.9	1.2	4.7	6.8	5.5	9.5	8.8	6.0	8.0	7.0	
306	000712	Ong Lê Phú	03/10/2005	10A7	7.0	6.8	0.3	0.9	6	7.2	9.5	9.3	9.5	7.8	9.0	8.0	
307	000715	Nguyễn Hoàng Phúc	21/07/2005	10A7	7.8	7.3	1	1.1	5.4	7.5	10.0	8.3	9.0	7.8	9.3	9.8	
308	000719	Huỳnh Quang Phước	17/05/2005	10A7	7.8	6.3	1	1.1	4.8	6.9	9.8	5.5	6.8	6.0	6.8	7.5	
309	000743	Nguyễn Kim Quyến	08/03/2005	10A7	7.3	6.8	0.4	1.1	4.8	6.3	5.3	4.8	6.8	6.3	7.3	8.0	
310	000751	Nguyễn Duy Tài	28/10/2005	10A7	6.5	6.3	0.3	0.8	5	6.1	8.0	6.8	7.0	4.8	9.0	8.8	
311	000776	Nguyễn Trường Thịnh	21/07/2005	10A7	7.3	7.0	0.8	1.3	5.6	7.7	8.0	10.0	8.0	7.3	9.3	6.0	
312	000779	Nguyễn Lan Thùy	12/09/2005	10A7	1.3	6.8	0.4	0.9	1.6	2.9	1.0	2.5	4.3	2.5	1.3	7.5	
313	000780	Nguyễn Thị Kim Thùy	02/11/2005	10A7	5.5	6.3	0.7	0.8	4	5.5	8.0	6.8	6.0	7.5	7.5	7.5	
314	000787	Thái Thị Anh Thư	22/10/2005	10A7	5.0	6.5	0.6	1.2	5	6.8	8.0	6.5	5.8	7.0	7.3	7.0	
315	000792	Mai Thy Thy	12/08/2005	10A7	6.8	6.8	0.5	1.6	6	8.1	9.5	9.3	9.0	7.3	6.0	7.5	
316	000804	Phạm Thị Thùy Trang	04/03/2005	10A7	5.3	7.0	0.5	1.8	5	7.3	9.5	8.3	7.0	5.8	7.8	7.0	
317	000805	Nguyễn Phạm Bảo Trâm	31/07/2005	10A7	5.3	6.3	0.6	1.6	5.6	7.8	8.5	8.5	6.5	8.0	8.3	7.5	
318	000806	Nguyễn Phương Trâm	02/05/2005	10A7	6.3	7.0	0.3	0.9	4.8	6.0	9.5	8.3	8.8	7.5	9.0	8.0	
319	000811	Huỳnh Thị Thanh Trúc	25/02/2005	10A7	5.8	7.3	0.6	1	4.3	5.9	5.5	5.0	5.8	5.3	8.8	9.0	
320	000812	Mai Nguyễn Bảo Trúc	25/01/2005	10A7	7.5	5.8	0.6	0.9	4.9	6.4	8.3	7.0	8.0	7.8	5.8	8.5	
321	000816	Nguyễn Đăng Tú	29/01/2005	10A7	5.3	7.0	0.5	1.4	5.1	7.0	8.3	3.3	8.3	4.8	7.8	9.3	
322	000817	Nguyễn Phong Tú	13/08/2005	10A7	7.5	7.3	0.6	1.3	5.6	7.5	8.5	9.0	8.8	7.3	8.8	10.0	
323	000819	Nguyễn Đỗ Anh Tuấn	28/11/2005	10A7	6.5	6.0	0.5	1	3.3	4.8	4.3	3.8	9.0	5.5	6.5	6.8	
324	000825	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	15/12/2005	10A7	6.3	6.5	0.5	0.9	5.6	7.0	8.0	6.8	8.8	6.8	6.5	8.0	
325	000828	Đào Võ Tuyết Vi	25/02/2005	10A7	8.3	7.5	0.8	1.2	5.6	7.6	9.0	9.0	7.5	7.0	9.3	9.5	

326	000830	Nguyễn Vũ Ái Vi	01/01/2005	10A7	5.8	7.3	0.6	0.7	3.8	5.1	6.3	5.5	8.5	5.8	9.3	10.0	
327	000836	Trương Trần Anh Vũ	20/01/2005	10A7	5.8	7.3	0.6	1.4	4.8	6.8	9.3	7.5	7.8	7.8	6.5	9.0	
328	000493	Nguyễn Tiến Anh	16/02/2005	10A8	6.8	6.5	0.2	1.2	5.8	7.2	7.8	5.8	8.0	8.5	8.5	8.5	
329	000499	Phạm Ngọc Ánh	19/09/2005	10A8	8.5	7.3	0.4	1.5	5.8	7.7	10.0	9.3	9.0	8.8	8.8	8.5	
330	000521	Lâm Bảo Duy	17/08/2005	10A8	8.0	7.8	0.9	1.5	5.4	7.8	5.0	8.3	7.0	7.0	8.5	6.5	
331	000528	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	02/06/2005	10A8	9.0	7.0	0.4	1.2	6	7.6	9.0	9.0	9.0	9.3	9.0	9.8	
332	000529	Nguyễn Thị Thùy Duyên	31/07/2005	10A8	3.8	6.0	0.5	1	5	6.5	6.5	5.0	6.3	3.3	6.3	7.0	
333	000531	Phạm Đoàn Ánh Dương	15/03/2005	10A8	3.5	5.0	1.1	0.8	5.4	7.3	8.0	6.0	6.5	7.3	5.3	8.0	
334	000537	Phùng Quốc Đạt	28/04/2005	10A8	4.5	6.5	0.5	0.8	5.4	6.7	8.0	10.0	7.3	6.5	7.8	6.5	
335	000551	Đỗ Văn Anh Hào	31/12/2005	10A8	6.0	7.8	0.6	1	5.8	7.4	10.0	6.8	8.8	9.5	8.8	9.0	
336	000555	Huỳnh Ngọc Cẩm Hằng	29/07/2005	10A8	5.8	7.5	0.7	1.1	4.5	6.3	6.8	7.5	9.0	6.5	8.8	6.0	
337	000567	Nguyễn Thị Kim Hoa	30/09/2005	10A8	6.8	7.0	0.5	1.3	6	7.8	10.0	8.3	8.8	8.0	9.3	8.8	
338	000572	Nguyễn Tiến Hoài	16/01/2005	10A8	8.0	7.5	0.7	1	5.5	7.2	9.8	9.0	9.0	9.0	9.5	10.0	
339	000582	Đinh Tiến Lê Huy	20/03/2005	10A8	4.5	7.0	0.4	1.2	2.2	3.8	8.3	2.8	7.3	4.3	6.3	7.5	
340	000586	Nguyễn Hoàng Huy	01/05/2005	10A8	9.0	7.8	0.4	1.2	6	7.6	10.0	10.0	9.3	9.5	9.5	8.8	
341	000596	Hoàng Ngọc Hưng	29/11/2005	10A8	7.8	6.3	0.8	1.5	5.8	8.1	9.5	9.3	8.0	8.5	8.8	6.8	
342	000597	Lâm Quốc Hưng	12/12/2005	10A8	5.3	6.0	0.8	1.3	5.3	7.4	8.3	3.5	8.3	6.0	9.5	9.0	
343	000608	Nguyễn Gia Khánh	31/08/2005	10A8	7.3	7.0	0.8	0.9	6	7.7	7.5	5.8	7.5	5.8	6.3	9.0	
344	000613	Nguyễn Huỳnh Anh Khoa	04/10/2004	10A8	1.3	5.3	0.5	0.8	2.6	3.9	4.0	2.3	7.5	3.8	4.0	7.5	
345	000620	Võ Tấn Lành	15/01/2005	10A8	5.8	8.0	1	0.7	4	5.7	9.3	4.3	9.5	9.3	9.0	6.0	
346	000624	Ngô Thùy Linh	16/12/2004	10A8	5.0	8.0	1.1	1.4	5	7.5	7.5	6.0	8.5	7.3	7.8	9.0	
347	000630	Quách Gia Long	30/11/2005	10A8	5.0	6.8	0.5	1.4	5.6	7.5	6.3	8.3	8.5	7.0	8.0	7.5	
348	000640	Cao Thị Hồng Lý	15/05/2005	10A8	5.8	6.8	0.7	1.2	4.4	6.3	8.0	6.3	8.0	7.3	8.5	9.5	
349	000650	Trần Nhật Minh	01/12/2005	10A8	5.5	7.5	0.3	0.8	5.2	6.3	9.3	5.0	4.5	4.5	6.0	7.5	
350	000669	Huỳnh Đức Nghị	23/09/2005	10A8	5.5	7.0	0.8	0.7	3.1	4.6	3.5	3.5	3.5	6.3	4.3	8.0	
351	000673	Nguyễn Khánh Ngọc	16/11/2005	10A8	5.5	6.8	0.8	0.9	5.6	7.3	6.8	6.8	9.0	7.3	8.5	6.0	
352	000680	Huỳnh Minh Nhật	17/08/2005	10A8	5.5	6.5	0.9	1.5	5.2	7.6	7.5	8.0	5.0	6.5	8.8	7.0	
353	000685	Hoàng Yến Nhi	20/02/2005	10A8	7.3	7.5	1.1	1.2	5.6	7.9	10.0	6.8	9.0	7.5	7.5	5.5	
354	000690	Nguyễn Ý Nhi	21/04/2005	10A8	7.3	6.3	0.9	1.2	5	7.1	5.3	8.0	8.3	8.5	8.3	7.8	
355	000700	Huỳnh Phương Như	01/06/2005	10A8	7.8	5.0	0.6	1.2	5.6	7.4	8.3	8.3	9.5	7.8	8.5	5.8	
356	000709	Nguyễn Thị Yến Phi	10/11/2005	10A8	9.0	8.0	0.8	1.1	5.2	7.1	10.0	9.5	9.5	9.0	8.5	8.5	
357	000720	Lê Văn Phước	10/10/2005	10A8	7.3	6.5	1	0.9	4.7	6.6	7.5	6.3	6.0	7.3	8.8	7.8	
358	000734	Nguyễn Duy Quân	20/04/2005	10A8	4.3	6.3	0.5	1.3	4.7	6.5	4.3	5.8	4.5	5.8	6.8	4.3	

359	000737	Đậu Xuân Quốc	28/09/2005	10A8	**3.8**	**6.5**	0.8	1.2	4.6	**6.6**	**6.0**	**4.8**	**9.0**	**8.0**	**8.3**	**7.0**	
360	000739	Hoàng Lê Bảo Quốc	18/06/2005	10A8	**8.5**	**7.0**	0.5	1.3	5.8	**7.6**	**10.0**	**8.8**	**9.5**	**7.8**	**8.5**	**6.5**	
361	000740	Lê Thiên Quy	06/12/2005	10A8	**4.0**	**6.0**	0.5	0.9	2.1	**3.5**	**5.0**	**2.0**	**6.8**	**2.3**	**4.8**	**3.5**	
362	000741	Nguyễn Hồng Quý	25/04/2005	10A8	**6.0**	**7.0**	0.4	1.4	6	**7.8**	**8.8**	**8.5**	**7.5**	**6.5**	**8.5**	**8.3**	
363	000788	Chu Thị Hoài Thương	22/05/2005	10A8	**9.0**	**7.0**	0.6	1.1	6	**7.7**	**10.0**	**8.8**	**9.8**	**8.8**	**9.3**	**9.0**	
364	000794	Lê Trần Nhật Tiên	23/09/2005	10A8	**2.3**	**5.8**	1.1	0.7	4.5	**6.3**	**6.5**	**4.5**	**8.5**	**5.5**	**6.5**	**6.0**	
365	000800	Hoàng Huyền Trang	08/03/2005	10A8	**9.3**	**6.5**	1.1	1.2	5.8	**8.1**	**9.0**	**10.0**	**9.3**	**9.0**	**9.3**	**8.0**	
366	000810	Phan Chí Trọng	23/04/2005	10A8	**8.3**	**7.0**	1.4	1.8	5.6	**8.8**	**9.5**	**9.3**	**7.3**	**6.8**	**8.8**	**8.3**	
367	000818	Lê Anh Tuấn	11/08/2005	10A8	**9.0**	**7.3**	0.9	1.8	5.8	**8.5**	**9.5**	**8.8**	**9.5**	**8.0**	**9.0**	**9.0**	
368	000826	Lại Thị Minh Uyên	23/08/2005	10A8	**5.8**	**7.8**	1.1	1.1	5.2	**7.4**	**8.5**	**6.8**	**8.5**	**9.3**	**9.0**	**9.5**	
369	000837	Võ Anh Vũ	01/01/2004	10A8	**5.3**	**7.3**	0.9	0.8	2.8	**4.5**	**6.5**	**1.5**	**6.3**	**4.5**	**8.0**	**5.5**	
370	000844	Nguyễn Ngọc Tường Vy	29/07/2005	10A8	**8.0**	**7.0**	0.9	1.2	5.6	**7.7**	**10.0**	**9.5**	**6.5**	**9.5**	**8.8**	**8.3**	
371	000846	Trần Nguyễn Hà Vy	14/05/2005	10A8	**8.3**	**6.3**	0.8	1.6	5.2	**7.6**	**5.5**	**2.8**	**6.5**	**1.5**	**8.5**	**7.3**	
372	000848	Dương Thị Ngọc Xuân	20/03/2005	10A8	**5.0**	**8.3**	0.4	1.1	5.8	**7.3**	**10.0**	**7.5**	**9.8**	**8.0**	**8.5**	**9.3**	
373	000854	Nguyễn Lê Kim Yến	09/06/2005	10A8	**5.0**	**6.5**	0.7	1	4.2	**5.9**	**6.3**	**4.8**	**5.0**	**5.8**	**6.0**	**9.3**	
374	000855	Nguyễn Thị Yến	16/06/2005	10A8	**7.5**	**6.0**	1.1	0.7	4.6	**6.4**	**6.3**	**3.8**	**8.5**	**6.8**	**8.0**	**6.8**	